

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giá, phí, lệ phí, hoá đơn;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1410/TTr-STC ngày 10 tháng 6 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "*Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*".

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn và kiểm tra các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh về quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; các quy định tại các văn bản khác của UBND tỉnh trái với các nội dung tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành

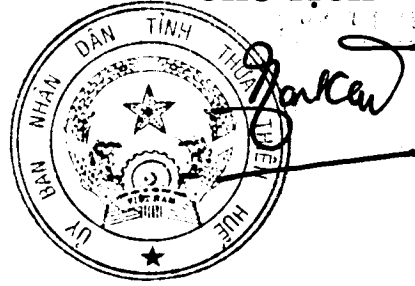


phổ Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực và các Ban HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, KH, TC(02).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2015/QĐ-UBND
ngày **15** tháng **7** năm **2015** của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, gồm các lĩnh vực: bình ổn giá; định giá của nhà nước; hiệp thương giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá; thẩm định giá; kê khai giá, niêm yết giá; thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá và cơ sở dữ liệu về giá.

2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh);

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý giá

1. Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật Giá để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của nhà nước.

3. Nhà nước có chính sách về giá nhằm hỗ trợ khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Nhà nước quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ

Điều 4. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh áp dụng theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ .

2. Trong trường hợp cần thiết phải bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 5. Điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá

1. UBND tỉnh công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khi giá thị trường của hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có biến động bất thường xảy ra thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

2. Đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá đã được công bố (tuỳ theo từng thời kỳ) thì Sở Tài chính căn cứ các điều kiện trên đây và điều kiện thực tế tham mưu trình UBND tỉnh quy định cụ thể các điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá hàng hoá, dịch vụ.

Điều 6. Thực hiện các biện pháp bình ổn giá

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan.

2. Trường hợp xảy ra thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền trên địa bàn như sau:

- a) Điều hoà cung cầu một số hàng hoá, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn;
- b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định;
- d) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;
- đ) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế;
- e) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá đã được Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ quản lý chuyên ngành, UBND tỉnh quyết định. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá của UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo quyền hạn trách nhiệm tại Điều 18 và Điều 19 Quy định này.

5. Trong thời gian nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính, gửi Sở Tài chính và các Sở quản lý ngành.

Riêng mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện đăng ký giá theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

6. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành đó.

Mục 2

TÀI SẢN, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC QUY ĐỊNH GIÁ

Điều 7. Danh mục tài sản, hàng hoá, dịch vụ do UBND tỉnh định giá, điều chỉnh giá

1. Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước.
3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá cho thuê các loại rừng.
4. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách.
5. Giá bán nước sạch sinh hoạt tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và phương án giá nước sạch cho các mục đích khác.
6. Giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.
7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hoá, dịch vụ được UBND tỉnh đặt hàng không qua hình thức đấu thầu, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.
8. Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.
9. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.
10. Giá cước vận chuyển:
 - Giá cước vận chuyển hành khách cộng cộng bằng xe buýt do nhà nước tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và có trợ giá.

- Giá cước vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy làm căn cứ để xác định: Chi phí vận chuyển cung ứng vật tư hàng hoá, mức trợ cước và trợ giá vận chuyển hàng hoá thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng xa và hải đảo chi từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Giá cước xếp dỡ hàng hoá chi từ nguồn ngân sách nhà nước.

11. Mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hoá được trợ giá, trợ cước vận chuyển.

12. Giá các loại tài sản, hàng hoá, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật:

a) Giá báo Thừa Thiên Huế khi có quyết định của nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước;

b) Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo mà tại đó chưa nối lưới điện quốc gia;

c) Giá bồi thường thiệt hại về tài sản, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi,... khi nhà nước thu hồi đất;

d) Giá bán tài sản nhà nước, giá cho thuê tài sản nhà nước: Nhà đất là trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước và tài sản khác thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

đ) Giá mua sắm tài sản nhà nước là nhà, đất; giá mua sắm tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/tài sản hoặc giá mua sắm tài sản theo hình thức đấu thầu thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh;

e) Giá dịch vụ nghĩa trang đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh;

g) Giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp;

h) Giá tính thuế tài nguyên;

i) Giá dịch vụ xe ra, xe vào bến xe ô tô theo quy định của Luật Giao thông đường bộ;

k) Giá tối thiểu xe máy, xe ô tô, tàu thuyền và giá xây nhà mới để tính thu lệ phí trước bạ;

l) Giá vé xem biểu diễn ca Huế.

Điều 8. Trình hồ sơ phương án giá, thẩm định phương án giá

1. Trình hồ sơ phương án giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá thực hiện theo mẫu thống nhất quy định tại Khoản 2, Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

2. Thẩm định phương án giá: Tài sản, hàng hoá, dịch vụ quy định tại Điều 7 của Quy định này thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh do Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá để UBND tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính theo quy định tại Điều 18 Quy định này.

Điều 9. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Điều 10. Điều chỉnh mức giá thuộc danh mục tài sản, hàng hoá, dịch vụ quy định giá, điều chỉnh giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá có biến động, làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống, thì cơ quan được phân công xây dựng phương án giá quy định tại Điều 18, Điều 19 Quy định này có trách nhiệm trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh giá hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hoạt động bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá có quyền kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Văn bản kiến nghị điều chỉnh giá của các tổ chức, cá nhân phải nêu rõ lý do, cơ sở xác định mức giá và gửi về cơ quan được phân công xây dựng phương án giá để được xem xét, trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc trả lời cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bằng văn bản nếu kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý.

3. Thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

Mục 3

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ, HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 11. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm b Khoản này trong các trường hợp sau:

- Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá.

- Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Hàng hoá, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

- Hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá;

- Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá;

- Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hoá, dịch vụ trong các trường hợp sau:

a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND tỉnh;

b) Hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá khi có biến động bất thường quy định tại Điều 5 của Quy định này;

c) Hàng hoá, dịch vụ phải kiểm tra các yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch

UBND tỉnh.

3. Trình tự kiểm tra yếu tố hình thành giá:

a) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các yếu tố hình thành giá ra quyết định kiểm tra gửi đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm tra các yếu tố hình thành giá và có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu sau:

- Phương án tính giá hàng hoá, dịch vụ và mức giá hàng hoá, dịch vụ theo quy định, các chứng từ, tài liệu phục vụ việc lập phương án giá.

- Tình hình lưu chuyển hàng hoá (tồn kho đầu năm, đầu quý, đầu tháng; nhập và xuất trong năm, trong quý, trong tháng; tồn kho cuối năm, cuối quý, cuối tháng) và cung ứng dịch vụ.

- Báo cáo tài chính có kiểm toán của năm liên quan đến việc kiểm tra các yếu tố hình thành giá.

- Tài liệu khác liên quan đến nội dung kiểm tra các yếu tố hình thành giá.

b) Tiến hành kiểm tra yếu tố hình thành giá.

c) Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá.

4. Thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá:

a) Thời hạn một lần kiểm tra tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm tra thì cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra; thời hạn kiểm tra kéo dài không quá 15 ngày làm việc;

b) Trong thời hạn tối đa là 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra các yếu tố hình thành giá, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

Điều 12. Hiệp thương giá

1. Thành phần tham gia hiệp thương giá:

a) Cơ quan tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn. Trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại hai tỉnh khác nhau cùng đề nghị hiệp thương thì hai bên thống nhất đề nghị một trong hai cơ quan chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì cơ quan nơi bên bán đóng trụ sở chủ trì hiệp thương.

b) Đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của cơ quan tổ chức hiệp thương giá.

2. Tổ chức thực hiện hiệp thương giá:

a) Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hoá, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau:

- Hàng hoá, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá;

- Hàng hoá, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc

độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đối với hàng hoá, dịch vụ được quy định tại Khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

- Theo đề nghị của một trong hai (hoặc cả hai) bên mua và bên bán hàng hoá, dịch vụ trên địa bàn tỉnh không thoả thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng.

- Theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

c) Cơ quan tổ chức việc hiệp thương, thông báo kết quả hiệp thương giá bằng văn bản về mức giá được thoả thuận cho các bên. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì cơ quan tổ chức hiệp thương giá quyết định giá tạm thời để hai bên thi hành.

Quyết định giá tạm thời do cơ quan tổ chức hiệp thương công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã thống nhất và có trách nhiệm báo cáo cơ quan tổ chức hiệp thương biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện. Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thoả thuận được giá thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thoả thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thoả thuận về mức giá.

d) Hồ sơ và trình tự, thủ tục hiệp thương giá: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Mục 4

THẨM ĐỊNH GIÁ, KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 13. Thẩm định giá

1. Tài sản mà nhà nước phải thẩm định giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

a) Tài sản, hàng hoá, dịch vụ được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Tài sản của nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác;

c) Tài sản, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hoá, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác;

d) Tài sản khác của nhà nước theo quy định của pháp luật phải thẩm định giá.

2. Tài sản của nhà nước tại Khoản 1 Điều này có giá trị dưới đây phải thẩm định giá:

a) Có giá trị đơn chiếc từ 20 triệu đồng trở lên/một đơn vị tài sản hoặc mua một lần có tổng giá trị mua sắm từ 100 triệu đồng trở lên đối với tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách nhà nước.

b) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với tài sản của nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác.

c) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với tài sản của doanh nghiệp nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hoá, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác.

d) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với các tài sản khác của nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sử dụng nguồn ngân sách nhà nước mua sắm tài sản, quản lý và xử lý tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này nếu không qua đấu thầu hoặc Hội đồng xác định giá thì phải thực hiện thẩm định giá.

Nguồn ngân sách nhà nước mua sắm tài sản nhà nước phải thẩm định giá bao gồm: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn sự nghiệp, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn vay tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn khác thuộc nguồn ngân sách.

4. Tài sản của nhà nước quy định phải thẩm định giá đã qua đấu thầu hoặc qua Hội đồng xác định giá được thành lập theo quy định của pháp luật thì không nhất thiết phải thẩm định giá.

Việc thẩm định giá các tài sản hình thành từ nguồn vốn khác thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá.

5. Cơ quan, đơn vị khi thực hiện mua sắm hoặc xử lý tài sản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phải thẩm định giá thì thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về thẩm định giá hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá để thực hiện yêu cầu thẩm định giá theo quy định của Luật Giá hiện hành.

Điều 14. Thẩm định giá nhà nước

1. Phạm vi hoạt động thẩm định giá nhà nước do cơ quan tài chính các cấp thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá;

c) Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước;

d) Mua, bán tài sản nhà nước có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt cần lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan tài chính trước khi phê duyệt.

Trình tự thủ tục yêu cầu, tiếp nhận, trình tự thẩm định giá nhà nước và quyền, nghĩa vụ của thủ trưởng, công chức cơ quan nhà nước được giao thực hiện thẩm định giá nhà nước thực hiện theo các qui định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, và Điều 26 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ và Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ.

2. Đối với các tài sản nhà nước có giá trị lớn, có tính đặc thù, có yêu cầu kỹ thuật cao thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh thì tùy vào điều kiện cụ thể Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá

cho từng trường hợp. Thành phần Hội đồng và nguyên tắc hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Đối với tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng; hàng hóa, dịch vụ mua sắm từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hàng năm của các ngành, các cấp, các đơn vị, thì tùy thuộc vào thẩm quyền quyết định phê duyệt giá được UBND tỉnh phân cấp theo quy định này hoặc theo quy định của pháp luật, thủ trưởng các ngành, các cấp, các đơn vị được quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản thuộc ngành, cấp, đơn vị quản lý.

Điều 15. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

2. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định của UBND tỉnh, bao gồm:

- a) Giá dịch vụ lưu trú;
- b) Giá dịch vụ xem ca Huế trên sông Hương;
- c) Vật liệu xây dựng: đất, cát, sạn, đá;
- d) Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt không được nhà nước trợ giá;
- e) Mức thu học phí đào tạo lái xe cơ giới đường bộ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Giao thông Vận tải.

3. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

4. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính và nộp hồ sơ tại các cơ quan quy định tại Điều 18 và Điều 19 Quy định này.

Riêng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; thuốc chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Điều 16. Niêm yết giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện niêm yết giá theo nguyên tắc:

- a) Đối với hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và mua, bán đúng giá niêm yết;
- b) Đối với hàng hoá, dịch vụ không thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá thì niêm yết theo giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và không được mua, bán cao hơn giá niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết giá và cách thức niêm yết giá: Thực hiện theo Điều

17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁ

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về giá của UBND tỉnh

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách, biện pháp, quyết định về giá hàng hoá, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý chuyên ngành:

a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan ngang bộ. Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo thực hiện các quyết định giá các tài sản, hàng hoá, dịch vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan ngang bộ.

c) Quyết định các biện pháp bình ổn giá và công bố thi hành các biện pháp bình ổn giá trong trường hợp giá cả thị trường biến động bất thường ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; công bố hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc danh mục quy định tại Điều 4 của Quy định này khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trong từng thời kỳ; quyết định và thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai giá, niêm yết giá phù hợp trong từng thời kỳ.

3. Quy định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ và điều chỉnh giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá theo danh mục quy định tại Điều 7 Quy định này do Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá; xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

Điều 18. Quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về giá của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính – giá cả tại địa phương theo quy định của pháp luật có quyền hạn và trách nhiệm:

1. Tham mưu và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành định hướng quản lý, điều hành, bình ổn giá, định giá các mặt hàng thuộc thẩm quyền quản lý về giá tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu và trình UBND tỉnh quy định trình tự, quy trình thẩm định phương án giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh quy định tại Khoản 3, Điều 17 Quy định này.

3. Thẩm định phương án giá theo đề nghị của Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh đối với hàng hoá, dịch vụ quy định tại Điều 7 Quy định này để Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh trình UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Tham mưu và trình UBND tỉnh quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ sau đây:

a) Chủ trì xây dựng và trình phương án giá nước sạch sinh hoạt đô thị, nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa sau khi tham khảo ý kiến của Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan lập phương án trình UBND tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;

c) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan trình UBND tỉnh ban hành tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí tương ứng với từng mục đích sử dụng đất và quy định mức tỷ lệ (%) để tính thu tiền thuê đối với các đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước, mặt nước thuê;

d) Chủ trì phối hợp với Sở quản lý ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế xây dựng và trình UBND tỉnh phương án giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

đ) Trình phương án giá bán tài sản nhà nước, giá cho thuê tài sản nhà nước là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước (bao gồm trụ sở làm việc) và tài sản nhà nước khác đang sử dụng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

e) Trình phương án giá mua sắm tài sản nhà nước là nhà, đất; giá mua sắm tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/tài sản hoặc giá mua sắm tài sản theo hình thức đấu thầu thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

g) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Cục Thuế tỉnh xây dựng và trình UBND tỉnh phương án giá tính thuế tài nguyên.

h) Chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh phương án giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp sau khi tham khảo ý kiến của Cục Thuế tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;

i) Chủ trì xây dựng và trình UBND tỉnh phương án giá tối thiểu xe máy, xe ô tô, tàu thuyền và giá xây nhà mới để tính thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật sau khi tham khảo ý kiến của Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng và Cục Thuế tỉnh;

Chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh ban hành Bảng giá tối thiểu lệ phí trước bạ bổ sung đối với những loại phương tiện chưa có quy định trong Bảng giá do UBND tỉnh ban hành theo ủy quyền của UBND tỉnh;

k) Trình phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định đặt hàng, giao kế hoạch; hàng hoá, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của nhà nước thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách hoặc thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy

định của Luật Đấu thầu và không thông qua hình thức đấu giá (trừ một số lĩnh vực do Sở quản lý ngành thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy định này);

l) Thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định giá dịch vụ nghĩa trang đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh trên cơ sở phương án giá do đơn vị quản lý nghĩa trang lập sau khi tham khảo ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;

m) Thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định giá dịch vụ xe ra, xe vào bến xe ô tô trên cơ sở phương án giá do doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh, khai thác bến xe lập theo quy định sau khi tham khảo ý kiến của Sở Giao thông Vận tải.

5. Tổ chức thực hiện chức năng thẩm định giá nhà nước thuộc phạm vi hoạt động theo quy định tại Điều 14 Quy định này theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước trực thuộc UBND tỉnh quản lý.

6. Tham gia với các cơ quan chức năng, cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp của UBND tỉnh trong việc định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ và theo quy định của pháp luật.

7. Thường trực các Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

8. Tham mưu UBND tỉnh bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

9. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quy định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

10. Tham mưu UBND tỉnh quyết định biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện biện pháp bình ổn giá do UBND tỉnh quyết định.

11. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bình ổn giá của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

12. Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định của pháp luật.

13. Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật, thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá theo quy định của pháp luật.

14. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình UBND tỉnh quyết định bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương; tổ chức thực hiện kê khai giá tại địa phương theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

15. Tổng hợp, phân tích và dự báo sự biến động giá trên địa bàn; báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của Bộ Tài chính và UBND tỉnh.

16. Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

17. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa dịch vụ của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá.

18. Chủ trì phối hợp với các sở ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn. Rà soát, điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh đăng ký giá, kê khai giá phù hợp với từng thời kỳ.

Điều 19. Quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về giá của các Sở, ban, ngành

1. Quyền hạn quản lý nhà nước về giá:

Phân công các Sở quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng phương án giá thuộc danh mục định giá quy định tại Điều 7 Quy định này trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của các Sở, ngành có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính hoặc Hội đồng thẩm định giá:

a) Sở Tài Nguyên và Môi trường:

- Trình phương án giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong giai đoạn 5 năm, bao gồm phương án giá các loại đất điều chỉnh, bổ sung trong năm phù hợp khung giá của Chính phủ, gửi Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh trước khi trình UBND tỉnh quyết định;

- Trình phương án giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh, gửi Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh trước khi trình UBND tỉnh quyết định;

- Trình phương án giá thực hiện sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí và trợ giá theo hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, bao gồm: Hoạt động điều tra cơ bản về địa chất, khí tượng thủy văn; hoạt động đo đạc bản đồ phục vụ công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; hoạt động về tài nguyên nước, môi trường, biển đảo; hoạt động khảo sát, thăm dò điều tra về tài nguyên đất đai, nước, khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên khác;

- Xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất để đền bù giải phóng mặt bằng của các dự án.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Trình phương án giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá cho thuê các loại rừng;

- Trình phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi, công trình thủy nông, kè đá lấn biển; sản xuất cung ứng, lưu trữ giống gốc giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, thuộc ngân sách tỉnh thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá;

- Trình phương án giá các loại cây trồng và vật nuôi áp dụng để bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất.

c) Sở Xây dựng:

- Trình phương án giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

- Trình phương án giá các loại nhà ở, công trình, vật kiến trúc công trình trên đất áp dụng để bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất.

- Trình phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch hoặc thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá đối với hoạt động: Xử lý nước thải, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước đô thị, hệ thống chiếu sáng đô thị, duy trì công viên cây xanh, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị.

d) Sở Giao thông Vận tải:

- Trình phương án giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt do nhà nước tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và có trợ giá;

- Trình phương án giá cước vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy làm căn cứ để xác định: Chi phí vận chuyển cung ứng vật tư hàng hóa, mức trợ cước và trợ giá vận chuyển hàng hoá thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng xa và hải đảo chi từ nguồn ngân sách nhà nước;

- Trình phương án giá cước xếp dỡ hàng hóa chi từ nguồn ngân sách nhà nước;

- Trình phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch hoặc thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá đối với hoạt động: Duy tu đường, hệ phố, hoàn trả kết cấu mặt đường sau khi cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy; các sản phẩm, dịch vụ công ích chuyên ngành giao thông khác do nhà nước quản lý.

đ) Sở Công thương:

Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã và Tổ chức quản lý nguồn điện xây dựng và trình phương án giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo nơi chưa nối lưới điện quốc gia mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế.

e) Sở Y tế:

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trình phương án giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

g) Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì phối hợp với Ban biên tập Báo Thừa Thiên Huế xây dựng và trình phương án giá báo Thừa Thiên Huế.

h) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Trình phương án giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh.

i) Sở Văn hóa thể thao và Du lịch:

Chủ trì, phối hợp Trung tâm quản lý và tổ chức biểu diễn ca Huế xây dựng và trình phương án giá dịch vụ xem biểu diễn ca Huế.

k) Ban Dân tộc:

Chủ trì xây dựng và trình phương án giá về mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hoá được trợ giá, trợ cước vận chuyển cho đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giá của các Sở, ban, ngành:

a) Chủ trì xây dựng, kiểm tra phương án giá các hàng hoá, dịch vụ thuộc chuyên ngành quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều này để gửi Sở Tài chính hoặc Hội đồng thẩm định giá thẩm định trước khi trình UBND tỉnh quyết định;

b) Thực hiện thẩm định giá trị công trình, vật kiến trúc thuộc chuyên ngành chưa được UBND tỉnh quy định cụ thể tại quyết định ban hành quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở chi trả bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất;

c) Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách quản lý nhà nước về giá, biện pháp bình ổn giá và các quyết định giá của UBND tỉnh công bố trong phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực;

d) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố các biện pháp bình ổn giá. Thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về giá để bình ổn giá theo quy định;

đ) Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra các yếu tố hình thành giá hàng hóa, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành quản lý khi có biến động về giá và có dấu hiệu độc quyền, liên kết độc quyền về giá;

e) Tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá hàng hoá dịch vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng phải đăng ký giá, kê khai giá thuộc lĩnh vực ngành quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ xây dựng phương án giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quyết định giá quy định tại Điều 7 Quy định này và theo phân cấp tại Khoản 1 Điều này;

h) Tham gia đóng góp ý kiến các phương án giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh theo đề nghị của Sở quản lý phân cấp tại Điều 18 và Điều 19 Quy định này;

i) Phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá phù hợp trong từng thời kỳ thuộc lĩnh vực ngành quản lý;

k) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung danh mục hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc lĩnh vực ngành quản lý;

l) Phối hợp với Sở Tài chính rà soát, điều chỉnh tham mưu UBND tỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá thuộc lĩnh vực ngành quản lý;

m) Tổ chức thanh tra, kiểm tra giá trong phạm vi ngành phụ trách theo quy định của pháp luật; tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về giá của UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

1. Quyền hạn quản lý nhà nước về giá:

a) Quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ được mua sắm, đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phân cấp của UBND tỉnh;

b) Quyết định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất do cấp huyện quản lý;

c) Quyết định giá bán khởi điểm hàng tịch thu trong các vụ án kinh tế, buôn lậu, hình sự, hành chính do các cơ quan thi hành pháp luật thuộc các huyện, thị xã, thành phố Huế xử lý theo phân cấp và quy định của pháp luật;

d) Quyết định giá bán thu hồi vật liệu từ nhà cửa, công trình kiến trúc của các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc các huyện, thị xã, thành phố Huế quản lý;

đ) Quyết định giá trị nhượng bán thanh lý, điều chuyển cho thuê tài sản thuộc cơ quan, đơn vị thuộc các huyện, thị xã, thành phố Huế quản lý theo phân cấp của UBND tỉnh;

e) Quyết định mức trợ giá, trợ cước thuộc ngân sách các huyện, thị xã, thành phố Huế quản lý.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giá:

a) Triển khai thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chính sách, biện pháp quản lý giá và các quyết định giá do cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai thực hiện công tác niêm yết giá, bình ổn giá thuộc địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với Sở Công thương xây dựng phương án giá bán điện đối với nguồn điện do địa phương quản lý không thuộc mạng lưới điện quốc gia;

c) Tổ chức hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá thuộc địa bàn quản lý. Tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khi phát hiện có dấu hiệu độc quyền, liên kết độc quyền về giá trên địa bàn quản lý theo quy định pháp luật;

d) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện niêm yết và bán theo giá niêm yết theo quy định của pháp luật;

đ) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thu thập thông tin, phân tích giá cả thị trường trên địa bàn quản lý và báo cáo giá cả thị trường hàng hoá, dịch vụ, giá vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính và các Sở chuyên ngành khác.

Điều 21. Quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước về giá của Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố Huế (gọi chung là cấp huyện)

Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính – giá cả tại địa phương theo quy định của pháp luật có

quyền hạn và trách nhiệm:

1. Tham mưu và trình UBND cấp huyện quyết định giá đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại Điều 20 Quy định này;
2. Tổ chức thực hiện chức năng thẩm định giá nhà nước thuộc phạm vi hoạt động theo quy định tại Điều 14 Quy định này theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước trực thuộc UBND cấp huyện quản lý;
3. Tham mưu UBND cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh theo quyết định của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính;
4. Giám sát việc thực hiện chính sách giá, mức giá quy định của nhà nước, của các đơn vị, doanh nghiệp làm nhiệm vụ cung ứng hàng hóa phục vụ sản xuất tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn;
5. Quản lý giá theo quy định của UBND tỉnh; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn;
6. Tổ chức thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo chỉ đạo của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước theo phân công;
7. Phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khi phát hiện có dấu hiệu độc quyền, liên kết độc quyền về giá trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định pháp luật;
8. Tổ chức xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý giá và chuyên môn nghiệp vụ được giao;
9. Tổ chức thanh tra, kiểm tra giá trong phạm vi địa bàn huyện, thị, thành phố quản lý; tham gia các cuộc thanh tra, kiểm tra giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
10. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất cho UBND cấp huyện và Sở Tài chính về giá cả thị trường hàng hoá, dịch vụ, giá vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định của UBND tỉnh.

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có các quyền sau:
 - a) Quy định giá, thỏa thuận giá mua, giá bán với khách hàng theo cơ chế thị trường, chịu sự giám sát quản lý nhà nước về giá theo quy định đối với hàng hóa, dịch vụ ngoài danh mục nhà nước quy định;
 - b) Quy định giá hàng hóa, dịch vụ trong khung giá giới hạn do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành khung giá;
 - c) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá điều chỉnh mức giá đối với những hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá theo quy định của pháp luật;
 - d) Các tổ chức kinh tế có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế kinh doanh những hàng hoá, dịch vụ quan trọng tác động đến phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế là bên mua hoặc bên bán có quyền đề nghị

UBND tỉnh, Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá khi các bên mua và bán không thoả thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng và có quyền rút lại hồ sơ hiệp thương về giá, tự thoả thuận với nhau về giá mua, giá bán của hàng hoá, dịch vụ đề nghị hiệp thương về giá trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương;

đ) Khiếu nại quyết định về giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của đơn vị, cá nhân. Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về giá;

e) Yêu cầu tổ chức, cá nhân bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

g) Có quyền từ chối các yêu cầu kiểm tra, thanh tra giá không đúng quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có các nghĩa vụ sau đây:

a) Lập, trình phương án giá hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thẩm quyền nhà nước quyết định giá quy định tại Điều 7 Quy định này để báo cáo Sở quản lý chuyên ngành quy định tại Điều 18 và Điều 19 Quy định này xem xét, tổng hợp hoàn thiện phương án giá trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

b) Thực hiện việc kê khai giá, niêm yết giá theo đúng quy định tại các Điều 15 và Điều 16 của Quy định này;

c) Cung cấp đầy đủ chính xác chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về giá, các quyết định giá hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá;

đ) Không đầu cơ nâng giá, lợi dụng độc quyền, liên kết độc quyền về giá. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khi nhận được yêu cầu kiểm soát giá độc quyền và liên kết độc quyền về giá có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chính xác, kịp thời số liệu, tài liệu có liên quan theo quy định cho Bộ Tài chính hoặc Sở Tài chính khi nhận được yêu cầu;

e) Chấp hành các biện pháp bình ổn giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý nhà nước về giá, thực hiện đúng theo mức giá cụ thể, khung giá, giới hạn giá hàng hóa, dịch vụ do cấp có thẩm quyền quy định;

g) Chấp hành theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra giá, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực và số liệu trong hồ sơ về giá được lưu trữ tại đơn vị mình. Báo cáo đầy đủ về giá thành sản xuất, giá bán, giá mua, chi phí sản xuất lưu thông hàng hóa và dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, định giá, kê khai giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức, cá nhân phải chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước về giá; trong trường hợp không nhất trí với quyết định đó thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật; trong thời gian khiếu nại, vẫn phải chấp hành quyết định đó;

i) Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thẩm quyền và trách nhiệm của thanh tra chuyên ngành về giá

1. Thanh tra Sở Tài chính tỉnh thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trên địa bàn toàn tỉnh có quyền:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh báo cáo kịp thời, chính xác, trung thực những số liệu, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra giá phù hợp với pháp luật.

b) Yêu cầu cơ quan có liên quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra giá.

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân được kiểm tra, thanh tra cung cấp các số liệu, tài liệu có liên quan trực tiếp đến kiểm tra, thanh tra giá.

d) Thanh tra chuyên ngành về giá, thực hiện xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giá theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

2. Thanh tra chuyên ngành về giá có trách nhiệm:

a) Không được sử dụng các số liệu, tài liệu, thông tin thu thập được vào mục đích khác ngoài mục đích quản lý nhà nước về giá.

b) Không được tiết lộ những bí mật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kiểm tra, thanh tra giá.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁ

Điều 24. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật về giá thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

Điều 25. Đối với người thi hành công vụ, nhiệm vụ

Người thi hành công vụ, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá vi phạm các quy định quản lý nhà nước về giá thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có dấu hiệu phạm tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính xây dựng, khai thác và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh; cung cấp

thông tin (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân khác khi có nhu cầu theo quy định của pháp luật; hàng năm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng, khai thác và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá trình UBND tỉnh phê duyệt và bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Nội dung cơ sở dữ liệu về giá

1. Nội dung cơ sở dữ liệu về giá bao gồm:

- a) Giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;
- b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá, kê khai giá;
- c) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính;
- d) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ cần thiết khác phục vụ công tác dự báo và quản lý nhà nước về giá;
- đ) Thông tin về giá tài sản được thẩm định theo quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá;

e) Các thông tin khác phục vụ công tác quản lý giá theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu bao gồm:

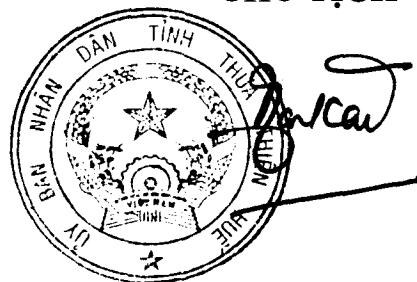
- a) Thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về giá tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập và do các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp;
- b) Thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về giá mua từ các đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin;
- c) Thông tin do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp theo quy định tại Khoản 7 Điều 12 của Luật Giá và các trường hợp cần thiết khác phục vụ yêu cầu quản lý của nhà nước.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện các quy định quản lý về giá theo Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao